

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày 25-5-2020
“V/v Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Út Nhỏ**
2. Bà **Lương Thị Hồng Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nghĩa** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà **Thị Xà Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Danh D**, sinh năm 1957 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Danh P**, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Bà **Châu Thị M** (tên khác là **Thị M**), sinh năm 1968 (Có đơn xin xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Danh P: Anh **Danh C**, sinh năm 1992 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng: Bà **Thị B** (tên khác **Thị V**), sinh năm 1965 (Có đơn xin xử vắng mặt);

Ông **Danh G**, sinh năm 1965 (Có đơn xin xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh D trình bày như sau: Vào năm 1997 vợ chồng ông **Danh P**, bà **Châu Thị M** có chuyển nhượng cho ông phần đất lúa diện tích 6 công tầm lớn bằng 22 chỉ vàng 24k. Lúc chuyển nhượng đất thì vợ chồng ông **Danh P** đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất và đã làm thủ

tục sang tên cho ông D đứng tên vào năm 1997. Đến năm 2011, ông D làm thủ tục yêu cầu cấp mới giấy chứng nhận QSD đất có đo đạc thực tế diện tích 8.174m², thuộc thửa đất 20, tờ bản đồ 3-3, đất tọa lạc tại ấp A2, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy số BE 075819, sổ vào sổ cấp GCN: CH00428 ngày 18/5/2011 mang tên ông Danh D. Sau khi hai bên thỏa thuận chuyển nhượng xong thì bên ông D đã trả đủ vàng cho ông Danh P, bà Châu Thị M vào năm 1997 (*Lần 1: ngày 7/5/1997 ông Danh P lần tay nhận 19 chỉ vàng 24k; lần 2: ngày 14/5/1997 ông Danh P nhận thêm 03 chỉ vàng 24k, có biên nhận kèm theo*). Sau khi nhận chuyển nhượng, ông D canh tác được một vụ lúa thì vợ chồng ông G, bà B ra ngăn cản không cho ông canh tác. Vợ chồng ông Danh G cho rằng đất này vợ chồng ông Danh P đã có cho vợ chồng ông G, bà B bằng 20 chỉ vàng 24k nhưng cổ lúc nào thì ông không biết. Do không canh tác được đất nên ông làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp, Ủy ban nhân dân xã Đ giải quyết thì bà B đồng ý giao cho ông 3 công và bà B canh tác 3 công. Ông không đồng ý nên khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Gò Quao vào năm 2014, trong quá trình giải quyết vụ án thì vợ chồng bà B đồng ý giao trả 3 công đất cho ông nhưng với điều kiện vợ chồng ông P phải trả cho ông G 20 chỉ vàng. Do thấy gia đình ông P hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có vàng nên ông mới đồng ý cho vợ chồng ông Danh P mượn 20 chỉ vàng 24k để trả cho vợ chồng bà Thị B (vàng cổ đất) và bà Thị B đã giao đất lại cho ông canh tác từ năm 2016. Lúc thỏa thuận mượn vàng thì bà M có lần tay vào biên bản ngày 28/12/2016 và hẹn mỗi tháng sẽ trả cho ông 01 chỉ vàng cho đến khi hết nợ, thời gian trả bắt đầu từ ngày 10/2/2017 âm lịch. Ông trực tiếp nộp 20 chỉ vàng cho cơ quan Chi cục Thi hành án huyện Gò Quao theo lai thu số 04725 ngày 28/12/2016. Vợ chồng ông Danh G đã nhận đủ 20 chỉ vàng theo Phiếu chi số: PC2018/65 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Nhưng từ khi hẹn trả vàng đến nay vợ chồng ông P, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả vàng cho ông. Ngoài ra, ông không có thay gia đình ông P đi trả nợ tiền vay cho tổ chức Quỹ tín dụng xã Đ như gia đình ông P khai. Phần đất này ông đã được đứng tên theo đúng hợp đồng chuyển nhượng và đã canh tác ổn định từ năm 2016 cho đến nay. Việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với vợ chồng ông Danh P xem như đã thực hiện xong nên ông không yêu cầu tòa án xem xét lại, mà ông chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao giải quyết buộc vợ chồng ông Danh P, bà Châu Thị M trả lại 20 chỉ vàng 24k (Loại 9 tuổi 8). Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Danh P trình bày: Cha mẹ ruột ông có cho 6 công đất lúa (tầm lớn) nhưng ông không nhớ cho năm nào. Vợ chồng ông đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp A2, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 1996, ông thỏa thuận cổ phần đất này cho vợ chồng bà Thị B, Danh G bằng giá 17 chỉ vàng 24k. Trước đó, ông đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của Tổ chức Quỹ tín dụng xã Đ số tiền 5.000.000 đồng, đến hạn không có tiền trả nên ông có kêu vợ chồng bà Thị B chuyển nhượng luôn hết đất bằng giá 20 chỉ vàng 24k nhưng bà B không mua. Đến năm 1997, vợ chồng ông có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ông D diện

tích 6 công tằm lớn bằng 22 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, ông chỉ nhận được 02 chỉ vàng 24k số còn lại ông D nói đã thay gia đình ông trả số tiền nợ vay Tổ chức quỹ tín dụng hết không còn rồi ông D đã tự đi làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất sang ông D đứng tên lúc nào gia đình ông không biết. Vì ông không có vàng trả cho bà Thị B, Danh G nên vợ chồng bà Thị B vào canh tác đất này năm 1997, từ đó phát sinh tranh chấp với ông D kéo dài đến năm 2014 thì ông D khởi kiện đến Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà B yêu cầu ông trả 20 chỉ vàng thì mới giao 3 công đất còn lại cho ông D nên vợ ông mới thỏa thuận mượn của ông D 20 chỉ vàng có lập biên bản và vợ ông có lẫn tay vào biên bản mượn vàng là đúng sự thật. Nhưng vợ chồng ông không thấy số vàng này vì ông D trực tiếp nộp cho cơ quan Chi cục thi hành án huyện Gò Quao. Bà Thị B, Danh G đã nhận đủ vàng và đã giao đất cho ông D canh tác từ năm 2016 cho đến nay. Do gia đình ông đã chuyển nhượng hết đất, lúc chuyển nhượng ông chỉ nhận được 02 chỉ vàng nên 20 chỉ mượn vào ngày 28/12/2016 là ông lấy cho đủ vàng bán đất chứ không có thiếu ông D. Thỏa thuận chuyển nhượng QSD đất giữa ông và ông D xem như đã thực hiện xong và ông không yêu cầu gì. Ông thừa nhận dấu lẫn tay trong biên nhận nhận vàng đề năm 1997 do ông D cung cấp cho Tòa án là dấu lẫn tay của ông nhưng ông không biết trong giấy ghi nội dung gì vì ông không biết chữ. Ông cũng không có chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ kiện để cung cấp cho Tòa án.

Nguyễn vọng: Ông không đồng ý trả cho ông Danh D 20 chỉ vàng 24k theo yêu cầu khởi kiện của ông Danh D vì gia đình ông không còn đất canh tác.

Bà Châu Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Danh P. Vào năm 1997, vợ chồng bà có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ông Danh D đất trồng lúa diện tích 6 công tằm lớn nhưng bà không nhớ số tờ và số thửa bằng 22 chỉ vàng 24k. Lúc chuyển nhượng phần đất này thì vợ chồng bà đã được đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng cho nhưng bà không nhớ cho năm nào. Vào năm 1996, bà đã thỏa thuận cổ phần đất này cho vợ chồng bà Thị B, Danh G bằng giá 17 chỉ vàng 24k. Do trước đó vợ chồng bà đã thế chấp giấy CNQSD đất để vay của Tổ chức quỹ tín dụng xã Đ số tiền 5.000.000 đồng đến hạn không có tiền trả nên bà có kêu vợ chồng bà Thị B, Danh G chuyển nhượng luôn hết đất bằng giá 20 chỉ vàng 24k nhưng bà Thị B không mua. Đến năm 1997 gia đình bà mới kêu ông Danh D mua với giá thỏa thuận chuyển nhượng 6 công đất (tằm lớn) bằng 22 chỉ vàng 24k nhưng gia đình bà chỉ nhận được 02 chỉ vàng 24k, số còn lại ông Danh D nói đã thay gia đình bà trả nợ Quỹ tín dụng số tiền 5.000.000 đồng và ông Danh D đã tự đi làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất sang ông Danh D đứng tên. Từ năm 1997 đến nay bà cũng không thấy Quỹ tín dụng xã Đ đến yêu cầu gia đình bà trả nợ nữa. Bà không biết năm 1997 vàng một chỉ bằng bao nhiêu tiền. Cán bộ quỹ tín dụng quản lý hồ sơ vay của bà năm đó đã chết nên bà cũng không có chứng cứ chứng minh người trả nợ thay gia đình bà là ông D. Do bà không có vàng trả cho bà Thị B, Danh G nên bà B không cho ông D canh tác đất nên từ đó xảy ra tranh chấp kéo dài đến năm 2014 thì được Tòa án Gò Quao thụ lý giải quyết. Trong quá trình Tòa án giải quyết, bà thừa nhận có lẫn tay vào biên bản mượn 20 chỉ vàng của ông D ngày

28/12/2016 để trả vàng cổ đất cho bà Thị B, Danh G để chuộc đất về giao cho ông D nhưng bà không có trực tiếp nhận được 20 chỉ vàng từ ông D. Số vàng này ông D trực tiếp nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao. Bà không biết vợ chồng bà Thị B, Danh G đã nhận vàng chưa nhưng bà không thấy vợ chồng bà Thị B, Danh G đến đòi vàng nữa và bà Thị B, ông G đã giao đất cho ông D canh tác từ năm 2016 cho đến nay.

Nguyên vọng: Bà không đồng ý trả vàng theo yêu cầu khởi kiện của ông Danh D. Vì số vàng 20 chỉ mà bà lẫn tay ký tên mượn vào ngày 28/12/2016 là để trả cho vợ chồng bà Thị B, Danh G là để lấy đất lại giao cho ông D. Vợ chồng bà đã chuyển nhượng hết đất và cũng đã giao đất cho ông Danh D xong, gia đình không có canh tác đất nên bà không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của ông Danh D.

Người làm chứng bà Thị B, ông Danh G trình bày: Vợ chồng ông bà không có quan hệ gì với ông Danh D nhưng ông bà là bà con bạn dì với vợ chồng ông Danh P. Trước đây, ông bà không nhớ năm nào ông bà có tranh chấp với ông Danh D và vợ chồng ông Danh P về việc cổ đất. Cụ thể là vợ chồng ông P có thỏa thuận cổ 06 công đất lúa tầm lớn cho ông bà bằng 20 chỉ vàng 24k. Sau khi đã giao đủ vàng cho vợ chồng ông P thì ông bà canh tác được một năm thì ông D ngăn cản vì ông D cho rằng đã nhận chuyển nhượng 6 công đất này của ông P. Sau đó, ông bà giao cho ông D 03 công, còn ông bà canh tác 3 công. Đến năm 2014, ông D khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, kết quả giải quyết là vợ chồng ông P phải có nghĩa vụ trả cho ông bà 20 chỉ vàng cổ đất. Ông bà đã nhận 20 chỉ vàng 24k tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao nhưng không nhớ nhận năm nào. Còn nguồn gốc của 20 chỉ vàng 24k là của ai thì ông bà không biết. Ông bà đã nhận đủ vàng đồng thời cũng đã giao đất cho ông D xong nên không còn liên quan gì nữa và ông bà không có ý kiến gì đối với vụ tranh chấp đòi lại tài sản giữa ông D với vợ chồng ông P.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Danh P là anh Danh C trình bày tại phiên tòa: Anh là con ruột của ông P, bà M nên anh cũng có biết nội dung tranh chấp liên quan đến đất và vàng giữa gia đình anh với ông D. Đồng thời, anh cũng được ông P ủy quyền tham gia phiên tòa xét xử. Anh thừa nhận vào năm 1996, ông P, bà M có 6 công đất lúa tầm lớn đã cổ cho bà Thị B bằng 20 chỉ vàng 24k và ông P, bà M cũng có thể chấp giấy chứng nhận QSD đất vay của Tổ chức tín dụng xã Đ số tiền 5.000.000 đồng đến hạn không có tiền trả. Đến năm 1997, ông P, bà M có thỏa thuận chuyển nhượng phần đất này cho ông D bằng 22 chỉ vàng nhưng thực tế gia đình anh chỉ nhận được 02 chỉ vàng và ông D đã tự ý thay cha mẹ anh đi trả nợ cho Tổ chức tín dụng lấy giấy chứng nhận QSD đất về làm thủ tục sang tên cho ông D lúc nào thì gia đình anh không biết. Anh thừa nhận bà M có mượn của ông D 20 chỉ vào ngày 28/12/2016 để trả cho bà Thị B nhưng đây là vàng mà gia đình anh bán đất cho ông D vào năm 1997. Anh không biết thời điểm năm 1997 giá vàng 01 chỉ bằng bao nhiêu tiền. Anh cũng xác định gia đình anh không có trả tiền nợ vay cho Tổ chức tín dụng và từ năm 1997 đến nay không có ai là người của Tổ chức tín dụng đến gia đình anh đòi tiền.

Tại phiên tòa, anh C không có chứng cứ mới để cung cấp cho Tòa án. Việc giao dịch chuyển nhượng QSD đất giữa ông P, bà M với ông D xem như đã thực hiện xong nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét lại. Hiện nay gia đình anh không còn đất canh tác nên anh không đồng ý trả vàng theo yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Đòi lại tài sản” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, vụ án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Danh P, bà Châu Thị M phải có nghĩa vụ trả cho ông Danh D 20 chỉ vàng 24k (loại 9 tuổi 8).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Danh D và ông Danh P, bà Châu Thị M là “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại ấp A1, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Danh P đã ủy quyền cho con trai là anh Danh C tham gia phiên tòa xét xử, còn bà Châu Thị M đã có đơn xin xử vắng mặt và người làm chứng là bà Thị B, ông Danh G cũng có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Vào năm 1997, giữa nguyên đơn ông Danh D và bị đơn ông Danh P, bà Châu Thị M có tự nguyện thỏa thuận với nhau là bên ông P, bà M chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D diện tích 6 công tằm lớn (theo đo đạc thực tế diện tích 8.174m²) thuộc thửa đất 20, tờ bản đồ 3-3, địa chỉ đất ở ấp A2, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang bằng 22 chỉ vàng 24k. Hai bên đã thực hiện việc giao đất và trả vàng theo biên nhận năm 1997, lần 1: ngày 7/5/1997 ông Danh P lần tay nhận 19 chỉ vàng 24k; lần 2: ngày 14/5/1997 ông Danh P lần tay nhận thêm 03 chỉ vàng 24k. Hai bên đã làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận QSD đất cho ông D đứng tên từ năm 1997. Tại Tòa án, ông Danh P cũng thừa nhận dấu lần tay trong biên nhận nhận vàng năm 1997 là của ông P. Sau khi nhận đất, ông D canh tác được một vụ lúa vào năm 1997 thì bị bà Thị B, ông Danh G vào bao chiếm vì vợ chồng bà B cho rằng vợ chồng ông P đã cố đất

này cho ông bà vào năm 1996 bằng 20 chỉ vàng 24k nên vợ chồng bà B chỉ đồng ý giao cho ông D 3 công đất còn vợ chồng ông G canh tác 3 công nên hai bên phát sinh tranh chấp từ năm 1997 kéo dài đến năm 2014 ông D khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Gò Quao. Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà B yêu cầu vợ chồng ông P phải trả số vàng cổ đất 20 chỉ vàng 24k rồi vợ chồng bà B mới đồng ý giao đất cho ông D. Do đó, vợ chồng ông P, bà M có thỏa thuận mượn 20 chỉ vàng 24k (loại 9 tuổi 8) của ông D để trả cho vợ chồng bà B. Việc mượn vàng này có lập thành văn bản đề ngày 28/12/2016, theo đó bà M hẹn trả cho ông D mỗi tháng 01 chỉ, thời gian bắt đầu trả từ ngày 10/2/2017 âm lịch, trả liên tục đến khi hết nợ, bà M có lẫn tay vào biên bản mượn vàng. Ông D là người trực tiếp nộp 20 chỉ vàng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao theo biên lai thu số 04725 ngày 28/12/2016. Theo lời khai của vợ chồng bà Thị B thì vợ chồng bà thừa nhận đã nhận đủ 20 chỉ vàng theo Phiếu chi số: PC2018/65 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao. Đồng thời, vợ chồng bà B cũng đã giao đất cho ông D canh tác từ năm 2016 cho đến nay. Nguyên đơn ông D cùng với bị đơn ông P, bà M không có yêu cầu Tòa án xem xét lại việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đây. Ông D với ông P, bà M cũng thống nhất với nhau dấu lẫn tay trong biên nhận nhận vàng năm 1997 là của ông P; dấu lẫn tay trong biên bản mượn vàng ngày 28/12/2016 là của bà M đây nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Danh D đòi ông Danh P, bà Châu Thị M phải có nghĩa vụ trả 20 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy, biên bản về việc thỏa thuận mượn vàng đề ngày 28/12/2016 đã được bà M, ông P thừa nhận là dấu lẫn tay của bà M, hơn nữa theo biên lai thu số 04725 ngày 28/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao thể hiện ông D là người trực tiếp nộp 20 chỉ vàng để ông P trả nợ vàng cổ đất cho vợ chồng bà B. Đồng thời, vợ chồng bà B khai đã nhận 20 chỉ vàng theo Phiếu chi số: PC2018/65 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao. Tuy nhiên, từ khi mượn vàng cho đến nay do vợ chồng ông P không thực hiện lời hứa trả vàng nên ông D khởi kiện đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông Danh D là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét lời khai của bị đơn ông Danh P, bà Châu Thị M thừa nhận có mượn 20 chỉ vàng của ông D vào ngày 28/12/2016 nhưng ông bà không có trực tiếp nhận vàng của ông D mà ông D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao. Tuy nhiên, ông bà cho rằng 20 chỉ vàng này là vàng mà ông bà bán đất cho ông D từ năm 1997 nhưng ông bà chỉ nhận được 02 chỉ nên ngày 28/12/2016 lấy thêm 20 chỉ để trả cho bà B xem như vàng bán đất. Xét lời khai của ông P, bà M có sự mâu thuẫn vì tại Tòa án ông P thừa nhận dấu lẫn tay trong biên nhận năm 1997 là của ông P, trong biên nhận cũng thể hiện rõ ông P đã nhận đủ 22 chỉ vàng (*lần 1: ngày 7/5/1997 ông Danh P nhận 19 chỉ vàng 24k; lần 2: ngày 14/5/1997 ông Danh P nhận thêm 03 chỉ vàng 24k*), nhưng do ông P không biết chữ nên lúc đó ông D kêu ông lẫn tay và ông không biết nội dung gì. Lời khai của ông P, bà M không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ

sơ vụ án, đồng thời cũng không được ông D chấp nhận. Hơn nữa, ông P, bà M cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là đúng sự thật. Tại phiên tòa người được ông P ủy quyền là anh C cũng giữ nguyên lời trình bày và nguyện vọng của ông P. Ngoài ra, anh C cũng không có chứng cứ gì mới cung cấp cho Tòa nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh D xử buộc vợ chồng bà M, ông P phải có nghĩa vụ trả 20 chỉ vàng cho ông D. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự có giá ngạch: Căn cứ trên trang Web: tygiavang.vn ngày 25/5/2020 thì trung bình giá mua vào và bán ra 01 chỉ vàng 24k bằng 4.672.000 đồng để tính án phí như sau: (20 chỉ vàng x 4.672.000 đồng/1 chỉ) x 5% = 4.672.000 đồng buộc ông Danh P, bà M phải nộp.

Ông D được nhận lại 1.700.000 đồng theo biên lai thu số 0004181 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 11, Điều 166, 185 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh D.

Xử: Buộc ông Danh P, bà Châu Thị M phải có nghĩa vụ trả cho ông Danh D 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24k (loại 9 tuổi 8).

2. Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc ông Danh P, bà Châu Thị M phải nộp số tiền là 4.672.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Ông D được nhận lại 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004181 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 25/5/2020. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh